TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ JÚT** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **09**/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30-6-2022
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Bá Luân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Bửu và bà Nguyễn Thị Thuận.

- *Thư ký phiên toà:* Ông Nguyễn Thành Trung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cư Jút.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên toà:* Ông Hoàng Xuân Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 44/2022/TLST-HN&GĐ, ngày 04 tháng 03 năm 2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Chị Trần Thị A, sinh năm 1986 - Có đơn xin xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn 01, xã N, huyện C, tỉnh Đăk Nông.

Bị đơn: Anh Lê Quang Ch, sinh năm 1977 - Có mặt;

Địa chỉ: Thôn 01, xã N, huyện C, tỉnh Đăk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn trình bày: Chị A và anh Ch đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện C vào năm 2004. Việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Quá trình chung sống chị A và anh Ch có với nhau 02 con chung Lê Xuân C, sinh năm 2005 và Lê Quang C, sinh năm 2012. Về mâu thuẫn vợ chồng: Trong cuộc sống vợ chồng không có hòa hợp, không hợp nhau, dẫn đến xúc phạm nhau. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, không còn quan tâm chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, chị A và anh Ch đã sống ly thân

hơn 04 năm nay, nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ch.

Về con chung: Chị A có nguyện vọng được nuôi con Lê Quang C, sinh năm 2012 đến tuổi trưởng thành. Đồng ý giao con Lê Xuân C, sinh năm 2005 cho anh Ch chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chị A không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị đơn trình bày: Anh Ch và chị A đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện C vào năm 2004. Việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống anh và chị có với nhau 02 con chung Lê Xuân C, sinh năm 2005 và Lê Quang C, sinh năm 2012. Về mâu thuẫn vợ chồng do chênh lệch tuổi tác nên hai vợ chồng không có tiếng nói chung, hay cãi nhau, không tôn trọng nhau. Anh Ch và chị A đã sống ly thân, anh cũng không còn tình cảm với chị A nên đồng ý ly hôn với chị A.

Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án anh Ch có nguyện vọng nuôi con chung Lê Xuân C, sinh năm 2005 đến tuổi trưởng thành. Đồng ý giao con Lê Quang C, sinh năm 2012 cho chị A nuôi dưỡng. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh Ch có nguyện vọng được nuôi 02 con chung đến tuổi trưởng thành và yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con Lê Xuân C, sinh năm 2005 là 2.000.000 đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và nội dung vụ án:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

+ Về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị A được ly hôn với anh Ch.

Về con chung: Giao con Lê Xuân C, sinh năm 2005 cho anh Ch trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Giao con Lê Quang C, sinh năm 2012 cho chị A trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Trần Thị A yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cư Jút giải quyết việc ly hôn với anh Lê Quang Ch, bị đơn có nơi có cư trú tại huyện Cư Jút nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

[2] Về chấp hành pháp luật của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tống đạt hợp lệ đúng theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật tố tụng dân sự để thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đương sự và các văn bản tố tụng khác cho đương sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành tốt. Nguyên đơn xin xét xử vắng mặt nên Toà án đã tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh Ch kết hôn từ năm 2004 tại UBND xã N, huyện C, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, kết hôn đúng theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn: Năm 2004 chị A và anh Ch kết hôn, tuy nhiên trong cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, không còn quan tâm chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã ly thân không còn sống chung với nhau.

Trong quan hệ hôn nhân phải dựa trên tình cảm, tình yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình. Tuy nhiên, chị A không còn tình cảm đối với anh Ch, vợ chồng đã sống ly thân, hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu ly hôn của chị A là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống chị A và anh Ch có 02 con chung Lê Xuân C, sinh năm 2005 và Lê Quang C, sinh năm 2012.

Chị A có nguyện vọng được nuôi con Lê Quang C, sinh năm 2012 đến tuổi trưởng thành.

Anh Ch có nguyện vọng được nuôi 02 con Lê Xuân C, sinh năm 2005 và Lê Quang C, sinh năm 2012 đến tuổi trưởng thành và yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con Lê Xuân C, sinh năm 2005 là 2.000.000 đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi. Xét yêu cầu của anh Ch HĐXX thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xem xét nguyện vọng của 02 con khi bố mẹ ly hôn, nguyện vọng của con Lê Quang C muốn được sống với mẹ, nguyện vọng của con Lê Xuân C muốn được sống với bố nên HĐXX cần giao con Lê Quang C cho chị A trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành; giao con Lê Xuân C cho anh Ch trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con do mỗi người nuôi một con chung nên việc anh Ch yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng là không có căn cứ để chấp nhận.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết

[4] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và phát biểu quan điểm về đường lối xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị A được ly hôn với anh Lê Quang Ch.

2. Về con chung: Giao con Lê Quang C, sinh năm 2012 cho chị Trần Thị A được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Giao con Lê Xuân C, sinh năm 2005 cho anh Lê Quang Ch được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân & gia đình.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*.

Buộc chị Trần Thị A phải chịu toàn bộ, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 003683 ngày 03 tháng 03 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Jút.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bán án được tống đạt hợp lệ.

Bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- Chi cục THA huyện Cư Jút;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bá Luân